

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 32 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 25/5/2023

V/v: Tranh chấp về

Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương.

2. Ông Lê Minh Tranh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thùy L, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, Tân Thịnh, phường Tân Dân, Tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Phạm Tuấn C, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 2789, tổ 15B, khu 5, phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Phạm Tuấn C có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2020 tại trụ sở UBND phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống cùng bố mẹ đẻ anh C tại số nhà 2789 Đại Lộ Hùng Vương, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng tại phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì. Thời gian này do có dịch Covid nên anh C ở nhà không đi làm. Do khó khăn về tài chính và mâu thuẫn về việc nuôi dạy con cái nên vợ chồng thường xuyên cãi vã không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Đến nay, chị L thấy bản thân không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 07/02/2021. Hiện tại cháu đang ở với chị L tại nhà bố mẹ đẻ chị ở khu Đô thị Đồi Văn Hóa, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 07/02/2021 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng(Hai triệu đồng)/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Tuấn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C nhất trí với trình bày của chị Bùi Thị Thùy L về việc kết hôn, việc tự do tìm hiểu trong hôn nhân, thời gian sống ly thân và một phần nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, ngoài ra mâu thuẫn của vợ chồng cũng đến từ việc vợ chồng xảy ra cãi vã, ẩu đả tại quán bia Hưng L nằm trên đường Nguyễn Du kéo dài, tại thời điểm đó chị L có xúc phạm và làm ảnh hưởng đến những người xung quan nên anh và chị L có xảy ra xô sát. Sau hôm đó chị L bỏ về nhà ngoại ở từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nay anh vẫn mong muốn vợ chồng có thời gian hàn gắn, hòa giải để đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn đối với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 07/02/2021. Hiện tại đang ở với chị L. Ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 07/02/2021 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nếu trong trường hợp Tòa án giao cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì anh C đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của chị L là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Việt Trì phát biểu quan điểm về vụ án về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy L được ly hôn anh Phạm Tuấn C.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Phạm Khánh N, sinh ngày 07/02/2021 cho chị Bùi Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Tuấn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/con chung/tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh Phạm Tuấn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Tuấn C. Bị đơn anh Phạm Tuấn C cư trú tại phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thùy L là tranh chấp Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đồng thời tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Tuấn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh C là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh C bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng chị L và anh C chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới thường nói cãi chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 4/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, chị L không đồng ý đoàn tụ và vẫn kiên quyết xin ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 07/02/2021. Cháu N hiện nay dưới 36 tháng tuổi, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị L có chỗ ở, có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Phạm Khánh N cho chị Bùi Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Tại bản tự khai ngày 09/3/2023, anh C có quan điểm nêu trong trường hợp Tòa án giao cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì anh C đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của chị L là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị L và anh C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Tuấn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Thùy L được ly hôn anh Phạm Tuấn C.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 07/02/2021 cho chị Bùi Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Phạm Tuấn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

Anh Phạm Tuấn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000418 ngày 09/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Anh Phạm Tuấn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP. Việt Trì
- Các đương sự
- UBND phường Vân Cờ;
- Chi cục THA TP. Việt Trì;
- Lưu HS+ VP;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Trang

;